

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-PT  
Ngày: 03-8- 2022  
V/v tranh chấp: “*Ly hôn, chia tài sản  
chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: + Bà Hoàng Thị Thơ;

+ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:***  
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn, Chia tài sản chung khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 322/2022/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

**Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:**

***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Hoài P, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thành Phương – Văn phòng luật sư Nguyễn Thành Phương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 2002 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Pi, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông Ấp Pi, xã Pen, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Cẩm N.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo án sơ thẩm.*

*Nguyên đơn Nguyễn Hoài Ptrình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm N sống chung tháng 8 năm 2020, chỉ tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm. Anh chị đã không còn sống chung từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay anh P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh với chị Nguyễn Thị Cẩm N là vợ chồng. Về con chung: Anh và chị N không có con chung. Về tài sản chung: Anh yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  số vàng cưới gồm 01 sợi dây chuyền 06 chỉ vàng 24k, 01 đôi lắc đeo tay 10 chỉ vàng 24k, 01 kiềng 05 chỉ vàng 24k và 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24k. Nợ chung: Anh xác định anh và chị N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:* Chị thừa nhận chị và Anh Nguyễn Hoài P sống chung từ tháng 8 năm 2020, không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm nên không còn sống chung từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay chị thống nhất với yêu cầu của anh P về việc yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị với anh P là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị với Anh Nguyễn Hoài P không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu của anh P về việc chia số vàng cưới, chị thừa nhận trong ngày cưới có được cha mẹ chồng cho số vàng cưới như anh P trình bày. Tuy nhiên, cha mẹ chồng trình cho con dâu nên chị xác định đây là tài sản riêng của chị, không phải tài sản chung của chị và anh P nên chị không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của anh P.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:* Ông, bà là cha mẹ ruột của anh P, vào ngày 19/12/2019 (âm lịch) là ngày đám hỏi của P, Nhung, vợ chồng ông bà có tặng quà cho hai con là 01 sợi dây chuyền 06 chỉ vàng 24k, 01 đôi lắc đeo tay 10 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k. Vào ngày 20/6/2020 (âm lịch) là ngày đám cưới của P, Nhung, vợ chồng ông bà tiếp tục tặng quà cho hai con là 01 kiềng 05 chỉ vàng 24k. Trong hai lần tặng đều có trình ra trước mặt hai họ, có sự chứng kiến của gia đình hai bên và trình là cho hai vợ chồng, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu chia tài sản của anh P.

*\* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 322/2022/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:*

*Căn cứ:*

- Khoản 1 Điều 14; Điều 16; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 457 Bộ luật dân sự;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Anh Nguyễn Hoài P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Anh Nguyễn Hoài P và chị Nguyễn Thị Cẩm N là vợ chồng.

2. Về tài sản:

Xác định tài sản chung của Anh Nguyễn Hoài P và chị Nguyễn Thị Cẩm N là số vàng cưới gồm 01 sợi dây chuyền 06 chỉ vàng 24k, 01 đôi lắc đeo tay 10 chỉ vàng 24k, 01 kiềng 05 chỉ vàng 24k; tổng cộng là 21 chỉ vàng 24k.

Chia cho Anh Nguyễn Hoài P  $\frac{1}{2}$  tài sản chung. Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N phải giao trả cho Anh Nguyễn Hoài P 10 (mười) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 25/5/2022, bị đơn Nguyễn Thị Cẩm N có đơn kháng cáo đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Nguyễn Thị Cẩm N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn Nguyễn Hoài P không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị N, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Cẩm N, nghe các bên đương sự trình bày trước tòa. Qua tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Anh Nguyễn Hoài P yêu cầu ly hôn, chia tài sản khi ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú P, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[3] Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Cẩm N đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Cẩm N kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung. Xét yêu cầu kháng cáo của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh P và chị N đều thừa nhận toàn bộ số vàng tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ anh P là ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị T tặng cho trong ngày cưới. Ông Xen, bà Tuyết xác định mục đích tặng cho là cho chung hai con anh P, chị N, không phải tặng cho riêng chị N; người làm mai bà Nguyễn Thị Bích Thủy cũng xác định tại ngày đám hỏi, đám cưới ông Xen, bà Tuyết trình lễ trước hai họ là cho vợ chồng P, Nhung, người trao vàng là bà Tuyết, người nhận là anh P, sau đó anh P đeo vàng cho chị N. Tại phiên tòa sơ thẩm anh P xác định anh đồng ý cho chị N được sở hữu, sử dụng đối với đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k anh P yêu cầu chia 01 sợi dây chuyền 06 chỉ vàng 24k, 01 đôi lắc đeo tay 10 chỉ vàng 24k, 01 kiềng 05 chỉ vàng 24k, tổng cộng 21 chỉ vàng 24k. Chị N cho rằng toàn bộ số vàng cưới anh P yêu cầu chia là tài sản chị N được tặng cho riêng nên đây là tài sản riêng của chị N là không có cơ sở bởi lẽ, ông Xen và bà Tuyết xác định số vàng là ông, bà tặng cho vàng vợ chồng anh P trong ngày cưới để vợ chồng có vốn làm ăn không phải tặng cho riêng con dâu là chị N.

Chị N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 14; Điều 16; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 457 Bộ luật dân sự;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Anh Nguyễn Hoài P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Anh Nguyễn Hoài P và chị Nguyễn Thị Cẩm N là vợ chồng.

## 2. Về tài sản:

Xác định tài sản chung của Anh Nguyễn Hoài P và chị Nguyễn Thị Cẩm N là số vàng cưới gồm 01 sợi dây chuyền 06 chỉ vàng 24k, 01 đôi lắc đeo tay 10 chỉ vàng 24k, 01 kiềng 05 chỉ vàng 24k; tổng cộng là 21 chỉ vàng 24k.

Chia cho chị N được sở hữu  $\frac{1}{2}$  tài sản chung gồm 10 (mười) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k.(chị N đang quản lý)

Chia cho Anh Nguyễn Hoài P được sở hữu  $\frac{1}{2}$  tài sản chung. Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N phải giao trả cho Anh Nguyễn Hoài P 10 (mười) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k, khi án có hiệu lực pháp luật.

## 3/ Về án phí:

Anh Nguyễn Hoài P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm trừ vào số tiền 300.000đồng anh P đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004284 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như anh P đã nộp xong.

Anh Nguyễn Hoài P phải chịu 2.887.500đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.375.000 đồng tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án số 0004283 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Anh P còn phải nộp 1.512.500đồng.

Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 2.887.500đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020543 ngày 07/6/2022. Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải nộp tiếp 2.887.500đồng

## 4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Ngoan**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Ngoan**



